TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CH S
TỈNH G L

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 41/2019/DS-ST
Ngày: 06/12/2019
"*V/v tranh chấp về kiện đòi nợ tiền"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CH S, TỈNH G L

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hiếu.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nay H'Chim.
2. Ông Siu Tơ Lul.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến, Thư ký Toà án nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L.

Trong ngày 06 tháng 12 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2019 về việc *"Tranh chấp về kiện đòi nợ tiền"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2019/QĐXX-DS ngày 06 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Hợp tác xã cà phê T N Ng; địa chỉ: Thôn M Th 2, thị trấn Ch S, huyện Ch S, tỉnh G L.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân Kh – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H, Quyền giám đốc Hợp tác xã cà phê T N Ng (Theo Quyết định ủy quyền số 09/QĐ-HTX ngày 03/6/2019). Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 5, xã Ia Pal, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

2. Bị đơn: Bà Đinh Thị H; địa chỉ: L P, xã B Ng, huyện Ch S, tỉnh G L. Vắng mặt không có lý do.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn K, địa chỉ: Làng P, xã B Ng, huyện Ch S, tỉnh G L. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiệnđề ngày 10/6/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Bà Đinh Thị H và ông Nguyễn Văn K là xã viên hợp tác xã cà phê T N Ng niên vụ 2018-2019, Hợp tác xã đã ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm, cung ứng vật tư với ông K và bà H. Hợp tác xã nhận vật tư giá nào thì cung ứng cho xã viên giá đó, nhưng xã viên có nghĩa vụ không để Hợp tác xã bị lỗ (tức là phải bù lỗ cho Hợp tác xã). Hoạt động của Hợp tác xã mục đích nhằm hỗ trợ bà con nông dân là thành viên hợp tác xã, không nhằm mục đích lợi nhuận. Trong niên vụ 2018-2019, bà H đã nhận của Hợp tác xã các loại phân bón và tiền công lao động cụ thể như sau: tiền phân bón 45.830.000 đồng, phân hữu cơ là 49.000.000 đồng, tiền công lao động 112.050.000 đồng, tiền lãi chốt đến ngày 08/01/2019 là 9.288.651 đồng, thực hiện chính sách không lỗ là 14.540.942 đồng. Trong năm 2018, bà H đã trả cho Hợp tác xã được 2.019,46kg cà phê nhân, tương đương là 61.730.900 đồng. Như vậy, hiện nay bà H và ông K còn nợ của Hợp tác xã số tiền 168.978.693 đồng.

Theo hợp đồng thì ông K và bà H phải trả toàn bộ số tiền trên vào ngày 31/01/2019. Đến ngày 26/6/2019 hai bên ký bản tất toán công nợ, ông K và bà H còn nợ Hợp tác xã số tiền mua phân và tiền ứng tiền công lao động tổng cộng là 168.978.693đồng. Đến hạn ông K và bà H không trả, Hợp tác xã đã đòi nợ nhiều lần nhưng cho đến nay ông K và bà H vẫn không trả được đồng nào.

Tại phiên tòa,nguyên đơn yêu cầu ông K và bà H phải trả cho Hợp tác xã Cà phê T N Ng số tiền nợ là 168.978.693đ và không yêu cầu tính tiền lãi quá hạn.

Tại bản tự khai đề ngày 15/7/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Đinh Thị H trình bày:

Bà H đồng ý với toàn bộ lời khai khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Bà H là xã viên của Hợp tác xã cà phê T N Ng niên vụ 2018-2019, Hợp tác xã đã ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm, cung ứng vật tư với bà, không nhằm mục đích lợi nhuận. Hợp tác xã nhận vật tư giá nào thì cung ứng cho xã viên giá đó. Tính đến nay bà và ông K còn nợ Hợp tác xã số tiền mua phân bón và tiền ứng tiền công lao động tổng cộng là 168.978.693 đồng. Theo thỏa thuận tại hợp đồng mà các bên đã ký kết, bà phải trả toàn bộ số nợ trên cho Hợp tác xã vào ngày 31/01/2019. Hợp tác xã đã nhiều lần yêu cầu bà trả nợ, nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên cho đến nay bà và công K vẫn không trả được nợ như đã hứa.

Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đồng ý trả cho Hợp tác xã Cà phê T N Ng số tiền nợ 168.978.693đ (một trăm sáu mươi tám triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm chín mươi ba đồng) và không tính tiền lãi quá hạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Ngày 10/6/2019, nguyên đơn Hợp tác xã cà phê T N Ng nộp đơn khởi kiện tranh chấp về kiện đòi nợ tiền. Xét hình thức, nội dung đơn khởi kiện đúng quy định, bị đơn có nơi cư trú tại làng P, xã B Ng, huyện Ch S, tỉnh G L. Bà H và ông K không có giấy phép đăng ký kinh doanh. Căn cứ các quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập, do đó Tòa án Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét thời hiệu khởi kiện: Do các bên đương sự không có yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu, nên miễn xét.

[3] Xét điều kiện có hiệu lực của hợp đồng.

Hợp tác xã cà phê T N Ng và bà Đinh Thị H cùng ký kết hợp đồng kinh tế về việc cung cấp dịch vụ đầu vào và kinh doanh cà phê nhân xô cho xã viên niên vụ 2018-2019 là có thật; việc ký kết hợp đồng có sự tham gia của bà H với tư cách là xã viên Hợp tác xã T N Ng, ông Nguyễn Văn K tham gia với tư cách vừa là xã viên, vừa là người thừa kế nghĩa vụ của bà H. Xét các bên khi tham gia giao dịch đều có năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện; hình thức giao dịch được lập thành văn bản. Do đó Hợp đồng về việc cung cấp dịch vụ đầu vào và kinh doanh cà phê nhân xô cho xã viên niên vụ 2018-2019 có hiệu lực thi hành kể từ ngày các bên xác lập.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là Hợp tác xã cà phê T N Ng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Đinh Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn K trả cho nguyên đơn số tiền là 168.978.693 đồng (Cụ thể: tiền phân bón 45.830.000 đồng, phân hữu cơ là 49.000.000 đồng, tiền công lao động 112.050.000 đồng, tiền lãi chốt đến ngày 08/01/2019 là 9.288.651 đồng, thực hiện chính sách không lỗ là 14.540.942 đồng, tổng cộng là 230.709.593 đồng. Trong năm 2018, bà H và ông K đã trả cho Hợp tác xã được 2.019,46kg cà phê nhân, tương đương với số tiền 61.730.900 đồng. Như vậy, hiện nay bà H và ông K còn nợ của Hợp tác xã số tiền 168.978.693 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo thỏa thuận của các bên tại hợp đồng kinh tế, nguyên đơn đã cung cấp cho bà H và ông K các loại phân bón, tiền công lao động theo đúng thỏa thuận và thời hạn cuối để bà H và ông K trả nợ cho nguyên đơn là ngày 31/01/2019. Khi đến hạn, bà H và ông K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ, làm việc trực tiếp để yêu cầu ông K và bà H trả nợ nhưng ông bà không trả. Đến ngày 26/6/2019, Hợp tác xã cà phê T N Ng và bà H đã ký bản đối chiếu công nợ thể hiện rõ việc bà H và ông K còn nợ của nguyên đơn số tiền 168.978.693 đồng. Do bà H và ông K vi phạm cam kết về nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H và ông K phải trả nợ cho nguyên đơn là Hợp tác xã cà phê T N Ng số tiền 168.978.693đ (một trăm sáu mươi tám triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm chín mươi ba đồng) là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do đó, căn cứ vào các Điều 116, 117, 275, 351, 410, 413 của Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là bà Đinh Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 168.978.693đ (một trăm sáu mươi tám triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm chín mươi ba đồng).

[5] Về án phí: Buộc bị đơn là bà Đinh Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 116, 117, 275, 351,357,410 và 413 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Hợp tác xã cà phê T N Ng.

1. Buộc bị đơn là bà Đinh Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ liên đới trả cho Hợp tác xã cà phê T N Ng số tiền 168.978.693đ (một trăm sáu mươi tám triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm chín mươi ba đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Buộc bà Đinh Thị H và ông Nguyễn Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.448.934đ (tám triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn chín trăm ba mươi tư đồng) = (168.978.693đ × 5%) để sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho Hợp tác xã cà phê T N Ng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 4.224.467 đồng, theo biên lai thu tiền số 0007928 ngày 25/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ch S, tỉnh G L.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/12/2019), bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G L xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Đình Hiếu

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện Ch S;
- Chi cục THADS huyện Ch S;
- Toà án nhân dân tỉnh G L;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT-LT.